

Số: 173/TB-BVPTN

Tây Ninh, ngày 11 tháng 09 năm 2025

THÔNG BÁO
**Về việc mời Công ty chào đặc tính kỹ thuật Danh mục thiết bị
y tế năm 2026**

Kính gửi: Quý Công ty

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH 15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Để đảm bảo cung ứng đầy đủ thiết bị y tế phục vụ cho nhu cầu cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh. Bệnh viện Phổi Tây Ninh có nhu cầu mời chào cấu hình, tính năng kỹ thuật Danh mục thiết bị y tế năm 2026 của Bệnh viện Phổi Tây Ninh để có cơ sở làm gói thầu. Kính mời quý Công ty chào cấu hình, tính năng kỹ thuật Danh mục thiết bị y tế năm 2026 theo các nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào cấu hình, tính năng kỹ thuật:

1. Đơn vị yêu cầu chào cấu hình, tính năng kỹ thuật: Bệnh viện Phổi Tây Ninh, địa chỉ: Đường 781, ấp Bình Long, xã Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận: Ds.Phan Lâm Tuấn Dũng, SĐT: 0909880789.

3. Cách thức tiếp nhận chào cấu hình, tính năng kỹ thuật:

- Nhận trực tiếp tại Khoa Dược –VTYT –CLS thuộc Bệnh viện Phổi Tây Ninh.
- Nhận qua email: bvlaobenhphoiten@gmail.com
- Gửi về Bệnh viện Phổi Tây Ninh theo địa chỉ: Đường 781, ấp Bình Long, xã Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

4. Thời hạn tiếp nhận: từ ngày 11 tháng 09 năm 2025 đến ngày 22 tháng 09 năm 2025 (Sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

5. Hình thức chào cấu hình, tính năng kỹ thuật: **02 bảng chính** (có đóng dấu giáp lai, có chức vụ người ký, mộc đỏ của công ty) **và file excel qua Email** (ghi rõ chủ đề gửi Email).

II. Nội dung yêu cầu:

(Theo danh mục đính kèm)

Rất mong Quý Công ty quan tâm chào cầu hình, tính năng kỹ thuật cho Danh mục thiết bị y tế năm 2026 để hai bên có thể hợp tác với nhau trong thời gian tới.

Trân trọng ./ 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, Dược(Mai);
- Đăng website.

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Dũng





STT	Mã Theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc 3514/QĐ-BYT	Tên vật tư y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Nước Sản Xuất	Hãng Sản Xuất	Đơn giá (Tham khảo)	Mã TBMT (Tham khảo, nếu có)	QĐ Trúng Thầu (Tham khảo, nếu có)	Ghi chú
19		Bình hút kim		Bình						
20		Bình thông phổi		Bộ						
21		Bộ dây truyền máu		Bộ						
22		Bộ dây và Mask khi dung dùng một lần các cỡ		Chiếc						
23		Bộ dây hút đàm kín		Sợi						
24		Bộ đặt nội khí quản 3 lưỡi cong		Bộ						
25		Breathing System Filter (Lọc khẩu phế dung kế) hoặc tương đương		Cái						
26		Lọc khẩu phế dung kế		Cái						
27		Cọ rửa ống nghiệm 40 cm		Cây						
28		Còn 90 độ		Lít						
29		Còn 70 độ		Lít						
30		Chi Nylon 1.0 + kim tam giác		Tép						
31		Chi Silk 30 + kim tam giác		Tép						
32		Cloramin B (dạng bột)		Kg						
33		Dây cho ăn các cỡ, các số		Sợi						
34		Dây ga rô		Sợi						
35		Dây hút đàm nhớt các cỡ		Sợi						
36		Bộ mas khô oxy có túi dự trữ các cỡ		Sợi						
37		Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ		Sợi						
38		Dây nối bơm tiêm tự động 75 cm		Cái						
39		Dây thông phổi các cỡ hoặc tương đương		Sợi						
40		Dây truyền dịch 20 giọt/ml		Sợi						
41		Dung dịch ngâm rửa dụng cụ (Anios)		Chai						
42		Đầu col xanh		Cái						
43		Gạc tiệt trùng các loại các cỡ		Gói						
44		Găng tay y tế chưa tiệt trùng 240mm size S,M,L		Đôi Page 2						

STT	Mã Theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc 3514/QĐ-BYT	Tên vật tư y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Nước Sản Xuất	Hãng Sản Xuất	Đơn giá (Tham khảo)	Mã TBMT (Tham khảo, nếu có)	QĐ Trúng Thầu (Tham khảo, nếu có)	Ghi chú
45		Găng tay y tế chưa tiết trùng KHÔNG BỘT 240mm size S,M,L		Đôi						
46		Găng tiết trùng các cỡ		Đôi						
47		Giấy in điện tim 3 cần 63mm x 30m		Cuộn						
48		Giấy đo điện tim 06 cần		Xấp						
49		Giấy đo điện tim 12 cần		Xấp						
50		Giấy lau siêu âm		Kg						
51		Lọc khuẩn 3 chức năng các cỡ		Cái						
52		Lam kính đầu nhám		Hộp						
53		Khẩu trang KN95 hoặc tương đương		Cái						
54		Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cửa bơm thuốc các số 18, 20, 22		Cây						
55		Kim rút thuốc các cỡ		Cây						
56		Khóa ba ngã có dây dẫn 25cm		Cái						
57		Máy đo huyết áp cơ		Cái						
58		Máy xông mũi họng		Cái						
59		Nước cất 02 lần		Lít						
60		Nút chặn kim luồn (instopper) hoặc tương đương		Cái						
61		Ống đo tốc độ lắng máu		Cái						
62		Lọ đựng nước tiểu các cỡ		Cái						
63		Ống ly tâm Tuýp ly tâm 1.5ml (Eppendorf 1.5ml)		Tuýp						
64		Ống chống đông bằng sodium fluoride oxalate-kali (NaF)		Ống						
65		Ống serum màu đỏ 2ml		Ống						
66		Ống EDTA 2ml		Ống						
67		Ống Heparin 2ml		Ống						
68		Ống nghiệm có nắp		Ống						
69		Ống xông họng (nhựa)		Cái						
70		Ống nghe y tế 2 mặt		Cái						
71		Ống đặt nội khí quản có bóng các cỡ		Cái						

STT	Mã Theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc 3514/QĐ-BYT	Tên vật tư y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Nước Sản Xuất	Hãng Sản Xuất	Đơn giá (Tham khảo)	Mã TBMT (Tham khảo, nếu có)	QĐ Trùng Thuần (Tham khảo, nếu có)	Ghi chú
72		Povidin 10%		Chai						
73		Que luồn ống nội khí quản		Cái						
74		SPO2 kẹp ngón tay		Cái						
75		Sond 2 nhánh (thông tiểu) các cỡ		Sợi						
76		Túi tiểu		Cái						
77		Viên khử khuẩn 2,5g		Viên						
78		Dung dịch phun khử khuẩn thiết bị phòng ICU Amiospray®		Chai xịt						
79		Dung dịch Surfanios Premium vệ sinh bề mặt sàn, thiết bị		Chai						
80		Hóa chất khử khuẩn mức độ cao Steranios 2%		Can						
81		Que luồn ống NKQ		cái						
82		Catheter mount		sợi						
83		Dây máy thở 2 nhánh		sợi						
84		Ống chữ T		cái						
85		Ống chữ T		Cái						
86		Ống sonde dạ dày		sợi						
87		Màng lọc HEPA (lọc thở ra)		cái						
88		Miếng dán điện cực ECG các loại, các cỡ		miếng						
89		Ống đo huyết áp động mạch xâm lấn (Art-line) các loại		sợi						
90		Catheter tĩnh mạch trung tâm các loại, các cỡ		sợi						
91		Xe tiêm cấp cứu		Cái						
92		Bộ lưu lượng kế và bình làm ẩm oxy		Bộ						
93		Tủ đầu giường y tế		Cái						
94		Cây treo dịch truyền inox		Cái						
95		Xe đẩy bình oxy 6 khối		Cái						
96		Xe đẩy tiêm thuốc inox 3 tầng		Cái						
97		Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu A		ml						

STT	Mã Theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc 3514/QĐ-BYT	Tên vật tư y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Nước Sản Xuất	Hãng Sản Xuất	Đơn giá (Tham khảo)	Mã TBMT (Tham khảo, nếu có)	QĐ Trúng Thầu (Tham khảo, nếu có)	Ghi chú
98		Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu AB		ml						
99		Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu B		ml						
100		Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu Rh		ml						
101		NALC (N-acetyl-L-cysteine)		gram						
102		Bình định mức (1000ml)		Cái						
103		Bình định mức (2000ml)		Cái						
104		Cốc có mỏ (500ml)		Cái						
105		Cốc có mỏ (1000ml)		Cái						
106		Phễu thủy tinh		Cái						
	TEST NHANH:									
107		Hepatitis B surface antigen		test						
108		Test nhanh viên gan C		test						
109		Que thử đường huyết mao mạch và kim trích máu		Test						
110		Que thử nước tiểu 11 thông số		Lọ						
	Phim X-quang									
111		PHIM X-RAY KHỔ DI-HL 20x25-150A		Tám						
112		COLENTA MEDIPHOT DL -- DRY LASER IMAGING		Tám						
113		Phim laser Imaging Film TRIMAX TXE		Tám						
114		Phim X-quang y tế Drystar DT5000 IB		Tám						
	Oxy y tế									
115		Oxy lớn		Chai						
116		Oxy nhỏ		Chai						
117		Oxy y tế dạng lỏng		Kg						
	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA:									
118		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose (GLU)		ml						

STT	Mã Theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc 3514/QĐ-BYT	Tên vật tư y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Nước Sản Xuất	Hãng Sản Xuất	Đơn giá (Tham khảo)	Mã TBMT (Tham khảo, nếu có)	QĐ Trúng Thầu (Tham khảo, nếu có)	Ghi chú
119		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase		ml						
120		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase		ml						
121		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần (Bil Total)		ml						
122		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp (Bil Direct)		ml						
123		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin gián tiếp (Bil Reported)		ml						
124		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine Enzymatic (CRE)		ml						
125		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV (URE)		ml						
126		Hóa chất dùng cho xét nghiệm C- Reactive Protein (CRP)		ml						
127		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides (TRI)		ml						
128		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol (CHO)		ml						
129		Hóa chất xét nghiệm Cholesterol HDL		ml						
130		Hóa chất xét nghiệm Cholesterol LDL		ml						
131		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate Dehydrogenase (LDH)		ml						
132		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần (PRO Total)		ml						
133		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid (AU)		ml						
134		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin (ALB)		ml						

STT	Mã Theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc 3514/QĐ-BYT	Tên vật tư y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Nước Sản Xuất	Hãng Sản Xuất	Đơn giá (Tham khảo)	Mã TBMT (Tham khảo, nếu có)	QĐ Trúng Thủ (Tham khảo, nếu có)	Ghi chú
135		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatin Kinase-MB (CK-MB)		ml						
136		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatin Kinase (CK)		ml						
137		Hóa chất dùng cho xét nghiệm HEMOGLOBIN A1C-DIRECT		ml						
138		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium Total		ml						
139		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Gama Glutamyl Transferase (GGT)		ml						
140		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Acid Lactic (Lactat)		ml						
		HÓA CHẤT CALIBRATOR / CHẤT HIỆU CHUẨN XÉT NGHIỆM SINH HÓA:								
141		Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy		ml						
142		Chất chuẩn cho các xét nghiệm C- Reactive Protein (CRP)		ml						
143		Chất chuẩn cho các xét nghiệm HbA1C Direct Standards		ml						
144		Chất chuẩn cho các xét nghiệm Cholesterol HDL		ml						
145		Chất chuẩn cho các xét nghiệm Cholesterol LDL		ml						
146		Chất chuẩn cho các xét nghiệm Lactate Dehydrogenase (LDH)		ml						
		HÓA CHẤT CONTROL / CHẤT CHUẨN XÉT NGHIỆM SINH HÓA:								
147		Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy 02 mức		ml						
148		Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2		ml						

STT	Mã Theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc 3514/QĐ-BYT	Tên vật tư y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Nước Sản Xuất	Hãng Sản Xuất	Đơn giá (Tham khảo)	Mã TBMT (Tham khảo, nếu có)	QĐ Trúng Thủ (Tham khảo, nếu có)	Ghi chú
149		Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CRP 02 mức		ml						
150		Chất chuẩn cho các xét nghiệm HEMOGLOBIN A1C-DIRECT (HbA1c) 02 mức		ml						
151		Chất chuẩn cho các xét nghiệm Cholesterol HDL 02 mức		ml						
152		Chất chuẩn cho các xét nghiệm Cholesterol LDL 02 mức		ml						
153		Chất chuẩn cho các xét nghiệm Lactate Dehydrogenase (LDH) 02 mức		ml						

HÓA CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO KÈM THEO MÁY (MÁY BIO SYSTEM A25):

154		Bộ phận phân ứng		Cái						
155		Bóng HALOGEN LAMP 12V/20W (5 UNITS)		Cái						
156		Quạt tản nhiệt-Fan 80mm		Cái						
157		Phản tử làm lạnh-Fridge Peltier		Cái						
158		Ống lấy mẫu 3.0 mL		Cái						
159		Dung dịch rửa máy		ml						
160		Dung dịch rửa hệ thống		ml						
HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MÁY HUYẾT HỌC (MÁY ABX MICROS ES60):										
161		Dung dịch pha loãng tế bào		Lít						
162		Dung dịch ly giải tế bào HC		Lít						
163		Dung dịch rửa máy trước khi tắt máy hàng ngày		Lít						
164		Bộ QC 3 mức		hộp						
165		Dung Dịch rửa máy, kiểm tra máy		Lít						

STT	Mã Theo QB 5086/QĐ-BYT hoặc 3514/QĐ-BYT	Tên vật tư y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Nước Sản Xuất	Hãng Sản Xuất	Đơn giá (Tham khảo)	Mã TBMT (Tham khảo, nếu có)	QĐ Trúng Thầu (Tham khảo, nếu có)	Ghi chú
	HÓA CHẤT ĐIỆN GIẢI ĐỎ: MEDICCA									
166		Thuốc thử điện giải đỏ		Hộp						
167		Dung dịch rửa điện cực		Hộp						
168		Chất chuẩn cho máy điện giải		Lọ						
169		QC máy điện giải		Lọ						
170		Dây bơm nhu động		cái						
	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM KHÍ MÁU ĐỘNG MẠCH: MÁY OPTI CCA-TS2									
171		Dây bơm		Cái						
172		Bình khí chuẩn dùng cho máy xét nghiệm khí máu (Calibration Gas)		Hộp						
173		Cassette Calibration		Cái						
174		Cassette chuẩn máy (SRC)		Cái						
175		Control (OPTI Check 3 levels)		Hộp						
176		Cassette E-Ca		Test						

